TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Danh.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 14/QĐ-TA ngày 07 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 15/QĐ-TA ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quốc V tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 ngày 23-5-2005. Thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên qua thời gian chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Từ mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng không có sự chia sẽ đồng cảm với nhau mà không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên. Đã nhiều lần nhờ đến gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được, xác định vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau như trước nên không thể tiếp tục sống chung. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V.

- Về con chung và cấp dưỡng: Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Trần Quốc H, sinh ngày 27-7-2008 đến tuổi trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Trần Quốc N, sinh ngày 11-4-2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị T không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh anh V có hộ khẩu và đang sinh sống tại tổ 05, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh V. Giao cháu Nguyễn Trần Quốc H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh V không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V. Trong qúa trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh V vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài trong thời gian dài mà vẫn không giải quyết được nên yêu cầu được ly hôn, trong khi đó anh V cố tình vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh V không có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Cháu Nguyễn Trần Quốc H có nguyện vọng được ở với mẹ và chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cho chị T được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận. Đối với cháu Nguyễn Trần Quốc N đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị T không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Quốc V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Trần Quốc H, sinh ngày 27-7-2008 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và anh Nguyễn Quốc V không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009496 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã P, huyện L
(Số 28 ngày 23-5-2005);
- Lưu hồ sơ vụ án….